

Số: 196/2020/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Châu, ngày 16 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 277/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Kim Thị T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp S, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Thạch V**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã Vc, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị T và ông Thạch V thống nhất thừa nhận mỗi quan hệ chung sống giữa bà T và ông V không phải là vợ chồng vì không có đăng ký kết hôn với nhau.

- Về con chung: Bà Kim Thị T và ông Thạch V thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung là cháu Thạch H, sinh ngày 18/02/2007 (nam) cho bà Kim Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu H nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ. Giao cháu Thạch Q, sinh ngày 24/01/2004 (nam) cho ông Thạch V nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Q nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu Q có nguyện vọng được sống với cha. Bà Kim Thị T và ông Thạch V không phải cấp dưỡng nuôi con chung, bà T và ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà T, ông V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch H của bà Kim Thị T, cháu Thạch Q của ông Thạch V.

Đối với cháu Thạch Q1, sinh ngày 27/01/2002 hiện đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng bà Kim Thị T và ông Thạch V thống nhất thỏa thuận bà T chịu, bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006363 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Bà Kim Thị T được nhận lại 150.000 đồng tiền án phí còn thừa tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Ông Thạch V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV &THA);
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng